

BẢNG NĂNG LỰC VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY

Năng lực	Cấp độ tư duy								
	Dạng thức 1			Dạng thức 2			Dạng thức 3		
	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng
Tư duy và lập luận Toán học	8	5		4	2				1
Giải quyết vấn đề Toán học	1	1		2	1	1			
Mô hình hóa Toán học						2			3
Tổng	9	6		6	3	3			4

MA TRẬN ĐẶC TẢ

DẠNG THỨC	CÂU	CẤP ĐỘ TƯ DUY			ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	NỘI DUNG CHI TIẾT
		Biết	Hiểu	Vận dụng		
TN 4 LỰA CHỌN 15 CÂU 5 ĐIỂM	1	TD 1.3			Tính đơn điệu và cực trị của hàm số	* Nhận biết: – Các câu hỏi lý thuyết về tính đơn điệu, cực trị của hàm số. – Tìm được khoảng đơn điệu của hàm số thông qua bảng biến thiên hoặc đồ thị hàm số $y = f(x)$ cho trước. – Xác định được số điểm cực trị, điểm cực trị của hàm số, giá trị cực trị của hàm số, điểm cực trị của đồ thị hàm số dựa vào: Bảng biến thiên, đồ thị của hàm số $y = f(x)$. * Thông hiểu: – Cho hàm số $y = f(x)$, xác định các khoảng đơn điệu và xác định được điểm cực trị và cực trị hay điểm cực trị của đồ thị hàm số $(\text{hàm đa thức bậc 3, bậc 4 trùng phương, } y = \frac{ax + b}{cx + d} \quad y = \frac{ax^2 + bx + c}{mx + n})$ – Biết lập bảng biến thiên để tìm khoảng đơn điệu và cực trị của hàm số $y = f(x)$ khi cho công thức đạo hàm $y = f'(x)$. – Dựa vào tính đơn điệu của hàm số để so sánh 2 giá trị hàm số cụ thể.
	2	TD 1.3			Tính đơn điệu và cực trị của hàm số	
	3		TD 3.2		Tính đơn điệu và cực trị của hàm số	
	4		TD 3.2		Tính đơn điệu và cực trị của hàm số	

DẠNG THỨC	CÂU	CẤP ĐỘ TƯ DUY			ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	NỘI DUNG CHI TIẾT
		Biết	Hiểu	Vận dụng		
	5	TD 1.2			Giá trị lớn nhất- Giá trị nhỏ nhất	* Nhận biết: - Các câu hỏi lý thuyết về GTLN, GTNN của hàm số. - Cho đồ thị, bảng biến thiên của hàm số $y = f(x)$ hỏi GTLN, GTNN của hàm số trên khoảng, đoạn.
	6		TD 3.2		Giá trị lớn nhất- Giá trị nhỏ nhất (GTLN, GTNN)	* Thông hiểu: - Biết cách tìm GTLN, GTNN của hàm số $y = f(x)$ liên tục trên một đoạn cho trước. - Biết cách tìm GTLN, GTNN của hàm số $y = f(x)$ liên tục trên một khoảng, nửa khoảng: cần lập bảng biến thiên. - Biết cách tìm GTLN, GTNN của hàm số $y = f(x)$ khi cho sẵn công thức hàm số $y = f'(x)$.
	7	TD 1.2			Đường tiệm cận của đồ thị hàm số	* Nhận biết: Các câu hỏi lý thuyết về đường tiệm cận của đồ thị hàm số.
	8		TD 3.2		Đường tiệm cận của đồ thị hàm số	- Cho bảng biến thiên, đồ thị tìm tiệm cận (dạng hàm nhất biến). - Cho hàm số xác định trên D và các giới hạn, chỉ ra tiệm cận theo định nghĩa. * Thông hiểu: - Tìm tiệm cận đứng (TCD) và tiệm cận ngang (TCN) của hàm nhất biến. - Tìm tiệm cận của các hàm số đơn giản. - Cho đồ thị và bảng biến thiên của hàm số $y = f(x)$ tùy ý, tìm các đường tiệm cận đứng và ngang.
	9	GQ 3.1			Vectơ và các phép toán trong không gian.	* Nhận biết: - Sử dụng được quy tắc 3 điểm, quy tắc hình bình hành thông qua 1 bước làm. - Đọc được tên góc giữa hai vectơ khi có chung điểm đầu; hai vectơ cùng hướng, hai vectơ ngược hướng, hai vectơ vuông góc. - Tính được tích vô hướng của hai vectơ khi cho sẵn độ dài 2 vectơ và góc xen giữa. - Nhận biết được các khái niệm vectơ và các phép toán vectơ trong không gian. * Thông hiểu: - Biểu diễn vectơ qua 2,3 vectơ cho trước(đơn giản). - Tính tích vô hướng của hai vectơ trong đó có 1 yếu tố chưa biết.
	10	TD 1.1			Tọa độ của vectơ trong không gian	* Nhận biết:

DẠNG THỨC	CÂU	CẤP ĐỘ TƯ DUY			ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	NỘI DUNG CHI TIẾT
		Biết	Hiểu	Vận dụng		
	11	TD 3.2			Tọa độ của vector trong không gian	- Nhận biết được tọa độ của một vector, tọa độ của điểm đối với hệ trục tọa độ. (Các điểm nằm trên các trục tọa độ và các mặt phẳng tọa độ) - Đọc được tọa độ điểm, vector thông qua 3 vector đơn vị. * Thông hiểu: - Đọc được tọa độ vector hay tọa độ của điểm từ một khối hình không gian cho trước.(đơn giản) - Tìm được hình chiếu và điểm đối xứng của một điểm lên các trục tọa độ và mặt phẳng tọa độ.
	12		TD 1.2		Tọa độ của vector trong không gian	* Nhận biết: - Các câu hỏi lý thuyết về tính đơn điệu, cực trị của hàm số. - Tìm được khoảng đơn điệu của hàm số thông qua bảng biến thiên hoặc đồ thị hàm số $y = f(x)$ cho trước. - Xác định được số điểm cực trị, điểm cực trị của hàm số, giá trị cực trị của hàm số, điểm cực trị của đồ thị hàm số dựa vào: Bảng biến thiên, đồ thị của hàm số $y = f(x)$.
	13	TD 1.3			Tính đơn điệu và cực trị của hàm số	* Nhận biết: - Các câu hỏi lý thuyết về GTLN, GTNN của hàm số. - Cho đồ thị, bảng biến thiên của hàm số $y = f(x)$ hỏi GTLN, GTNN của hàm số trên khoảng, đoạn.
	14	TD 1.3			Giá trị lớn nhất- Giá trị nhỏ nhất	* Thông hiểu: - Biểu diễn vector qua 2,3 vector cho trước(đơn giản). - Tính tích vô hướng của hai vector trong đó có 1 yếu tố chưa biết.
	15		GQ 3.1		Vector và các phép toán trong không gian.	* Vận dụng: - Biểu diễn vector qua 3 vector thông qua nhiều bước biến đổi. - Tính góc giữa hai vector thông qua tích vô hướng.
	15		GQ 3.1		Vector và các phép toán trong không gian.	* Vận dụng: Tìm được TCD và TCN của những đồ thị hàm số phân thức có nghiệm trùng.
TN ĐÚNG SAI 3 CÂU 3 ĐIỂM	1				Vector và các phép toán trong không gian.	* Vận dụng: Tìm được TCD và TCN của những đồ thị hàm số phân thức có nghiệm trùng.
	a	GQ 2.1				
	b	GQ 2.1				
	c		GQ 2.2			
	d			GQ 3.1		
	2				Đường tiệm cận của đồ thị hàm số	* Vận dụng: Tìm được TCD và TCN của những đồ thị hàm số phân thức có nghiệm trùng.
	a	TD 1.2				

DẠNG THỨC	CÂU	CẤP ĐỘ TƯ DUY			ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	NỘI DUNG CHI TIẾT
		Biết	Hiểu	Vận dụng		
	b	TD 3.2				- Xác định được phương trình đường tiệm cận xiên của đồ thị hàm $y = \frac{ax^2 + bx + c}{mx + n}$. - Tìm tham số để đồ thị hàm số có TĐĐ, TCN hay TCX (đơn giản).
	c		TD 3.2			
	d			GQ 3.1		
	3				Tọa độ của vector trong không gian	* Vận dụng: - Đọc được tọa độ vector hay tọa độ của điểm từ một khối hình không gian cho trước. - Tìm tọa độ điểm để thỏa mãn tính chất hình bình hành, hình hộp. - Vận dụng vào thực tiễn (Mô hình hóa và giải quyết các bài toán) nhúng được các vật thể của hình không gian vào hệ trục tọa độ để tính toán hay định vị tọa độ, vv... (đơn giản)
	a	TD 1.2				
	b	TD 1.2				
	c		TD 3.2			
	d			MH 1.1		
TN TRẢ LỜI NGẮN 4 CÂU 2 ĐIỂM	1			MH 2.1	Tính đơn điệu và cực trị của hàm số	* Vận dụng: - Cho hàm số $y = f(x)$, tìm các khoảng đơn điệu và cực trị của hàm số (hàm số căn bậc 2, hàm mũ, hàm logarit, hàm lượng giác) - Biết lập bảng biến thiên để tìm khoảng đơn điệu và cực trị của hàm số $y = f(x)$ khi cho đồ thị hàm số $y = f'(x)$. - Tìm khoảng đơn điệu và cực trị của hàm ẩn đơn giản. (không chứa tham số) - Bài toán thực tế: Sử dụng tính đơn điệu hàm số để xác định số lượng sản xuất tăng hay giảm, chuyển động lên hay xuống, Bài toán có chứa tham số: - Tìm điều kiện để hàm số bậc ba (hệ số trước x^3 luôn khác 0) đơn điệu trên $\mathbb{R}$. - Tìm điều kiện để hàm số nhất biến đơn điệu trên từng khoảng xác định. - Tìm tham số để hàm số đạt cực trị tại điểm x_0 cho trước. - Tìm tham số để hàm số bậc 3, hàm số $y = \frac{ax^2 + bx + c}{mx + n}$ có cực trị. * Vận dụng cao: - Tìm khoảng đơn điệu và cực trị của hàm ẩn. (không chứa tham số)
	2			TD 3.2	Tính đơn điệu và cực trị của hàm số	

DẠNG THỨC	CÂU	CẤP ĐỘ TƯ DUY			ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	NỘI DUNG CHI TIẾT
		Biết	Hiểu	Vận dụng		
						– Tìm tham số để hàm số bậc 3, hàm số $y = \frac{ax^2 + bx + c}{mx + n}$ có 2 điểm cực trị thỏa mãn điều kiện cho trước.
	3			MH 2.1	Giá trị lớn nhất- Giá trị nhỏ nhất	* Vận dụng: – Tìm GTLN, GTNN một số căn bậc hai, hàm mũ, hàm logarit, hàm lượng giác. – Tìm GTLN, GTNN của hàm số $y = f(x)$ khi cho đồ thị của hàm số $y = f'(x)$ – Tìm điều kiện của tham số khi cho trước GTLN, GTNN của một số hàm số có tham số đơn giản. (kết hợp với tính đơn điệu của hàm số) – Tìm GTLN, GTNN của hàm ẩn đơn giản. * Vận dụng cao – Giải quyết các bài toán thực tế.
	4			MH 2.1	Vectơ và các phép toán trong không gian.	* Vận dụng cao: – Tích góc giữa hai vectơ thông qua tích vô hướng, có nhiều biến đổi phức tạp. – Giải quyết các bài toán thực tế.
TỔNG		15	9	7		
TỈ LỆ %		40	30	20		
TỔNG ĐIỂM		4	3	3	10	

NĂNG LỰC TƯ DUY VÀ LẬP LUẬN TOÁN HỌC

Thành phần năng lực	Biểu hiện
TD1. Thực hiện được các thao tác tư duy như: so sánh, phân tích, tổng hợp, đặc biệt hóa, khái quát hóa, tương tự; quy nạp, diễn dịch.	TD1.1. Thực hiện được tương đối thành thạo các thao tác tư duy. TD1.2. Phát hiện được sự tương đồng và khác biệt trong những tình huống tương đối phức tạp. TD1.3. Lí giải được kết quả của việc quan sát.
TD2. Chỉ ra được chứng cứ, lí lẽ và biết lập luận hợp lí trước khi kết luận.	TD2.1. Sử dụng được các phương pháp lập luận để nhìn ra những cách thức khác nhau trong việc giải quyết vấn đề. TD2.2. Sử dụng được các phương pháp quy nạp để nhìn ra những cách thức khác nhau trong việc giải quyết vấn đề. TD2.3. Sử dụng được các phương pháp suy diễn để nhìn ra những cách thức khác nhau trong việc giải quyết vấn đề.
TD3. Giải thích hoặc điều chỉnh được cách thức giải quyết vấn đề về phương diện học toán.	TD3.1. Nêu được câu hỏi khi lập luận, giải quyết vấn đề. TD3.2. Trả lời được câu hỏi khi lập luận, giải quyết vấn đề. TD3.3. Giải thích được giải pháp thực hiện về phương diện toán học. TD3.4. Chứng minh được giải pháp thực hiện về phương diện toán học. TD3.5. Điều chỉnh được giải pháp thực hiện về phương diện toán học.

NĂNG LỰC GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ TOÁN HỌC

Thành phần năng lực	Biểu hiện
GQ1. Nhận biết, phát hiện được vấn đề cần giải quyết bằng toán học.	GQ1.1. Xác định được tình huống có vấn đề; GQ1.2. Thu thập được thông tin; GQ1.3. Sắp xếp được thông tin; GQ1.4. Giải thích được thông tin; GQ1.5. Đánh giá được độ tin cậy của thông tin; GQ1.6. Chia sẻ được sự am hiểu vấn đề với người khác.
GQ2. Lựa chọn, đề xuất được cách thức, giải pháp giải quyết vấn đề.	GQ2.1. Lựa chọn được cách thức, quy trình giải quyết vấn đề. GQ2.2. Thiết lập được cách thức, quy trình giải quyết vấn đề.
GQ3. Sử dụng được các kiến thức, kĩ năng toán học tương thích (bao gồm các công cụ và thuật toán) để giải quyết vấn đề đặt ra.	GQ3.1. Thực hiện giải pháp giải quyết vấn đề. GQ3.2. Trình bày được giải pháp giải quyết vấn đề.
GQ4. Đánh giá được giải pháp đề ra và khái quát hóa được cho vấn đề tương tự.	GQ4.1. Đánh giá được giải pháp đã thực hiện. GQ4.2. Phản ánh được giá trị của giải pháp. GQ4.3. Khái quát hoá được cho vấn đề tương tự.

NĂNG LỰC MÔ HÌNH HÓA TOÁN HỌC

Thành phần năng lực	Biểu hiện
MH1. Xác định được mô hình toán học (gồm công thức, phương trình, bảng biểu, đồ thị,...) cho tình huống xuất hiện trong bài toán thực tiễn.	MH1.1. Thiết lập được mô hình toán học (gồm công thức, phương trình, sơ đồ, hình vẽ, bảng biểu, đồ thị,...) để mô tả tình huống đặt ra trong một số bài toán thực tiễn.
MH2. Giải quyết được những vấn đề toán học trong mô hình được thiết lập.	MH2.1. Giải quyết được những vấn đề toán học trong mô hình được thiết lập.
MH3. Thể hiện và đánh giá được lời giải trong ngữ cảnh thực tế và cải tiến được mô hình nếu cách giải quyết không phù hợp.	MH3.1. Lí giải được tính đúng đắn của lời giải (những kết luận thu được từ các tính toán là có ý nghĩa, phù hợp với thực tiễn hay không). MH3.2. Nhận biết được cách đơn giản hoá, cách điều chỉnh những yêu cầu thực tiễn (xấp xỉ, bổ sung thêm giả thiết, tổng quát hóa,...) để đưa đến những bài toán giải được.



MA TRẬN VÀ BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn: NGỮ VĂN - KHỐI 12

NĂM HỌC: 2024 - 2025

TT	Năng lực	Nội dung	Số câu	Cấp độ tư duy						
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Tổng %
				Số câu	Tỷ lệ	Số câu	Tỷ lệ	Số câu	Tỷ lệ	
I	Đọc	Văn bản thể loại thơ/ tiểu thuyết.	5	2	15 %	2	25 %	1	10 %	50%
II	Viết	Viết bài văn nghị luận xã hội	1	15 %		15 %		20 %		50 %
		6	30 %		40 %		30 %		100%	
		Tỷ lệ								
Tổng										

BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN

TT	Kỹ năng	ĐV kiến thức / Kỹ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	Đọc hiểu	Thơ trữ tình hiện đại	* Nhận biết - Nhận biết được thể thơ, chủ thể trữ tình trong văn bản. - Nhận biết được các biểu tượng, yếu tố tượng trưng, siêu thực,... trong văn bản. * Thông hiểu - Phân tích, giải thích được mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của văn bản. - Tác dụng của các biện pháp tu từ trong văn bản. * Vận dụng - Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình văn bản thơ; thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về tác phẩm.	2 câu 40%	2 câu 40%	1 câu 20%
		Tiểu thuyết hiện đại	* Nhận biết - Nhận biết đề tài, tiết tiêu biểu trong tiểu thuyết. - Nhận biết được diễn biến tâm lí của nhân vật có trong văn bản. * Thông hiểu - Phân tích được phong cách hiện thực. - Phân tích, đánh giá được sự phù hợp của người kể chuyện, điểm nhìn trong thể hiện chủ đề của văn bản. - Nhận biết, phân tích biện pháp tu từ nói mỉa. * Vận dụng Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình văn bản; thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về tác phẩm.			



2	Viết	Viết bài văn	*Nhận biết - Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận. - Nêu được vấn đề nghị luận - Xác định được mục đích, đối tượng nghị luận - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận. *Thông hiểu - Phân tích được lý do và các phương diện liên quan đến vấn đề nghị luận - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm; lý lẽ, dẫn chứng thuyết phục, chính xác, tin cậy, thích hợp - Cấu trúc chặt chẽ; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. * Vận dụng - Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với tuổi trẻ - Nêu được những bài học, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận * Vận dụng cao - Sử dụng kết hợp các phương thức biểu đạt như miêu tả, tự sự, biểu cảm...để tăng sức thuyết phục cho bài viết - Vận dụng hiệu quả các kiến thức tiếng Việt để tăng tính thuyết phục, hấp dẫn cho bài viết	30%	40%	30%
---	------	--------------	--	-----	-----	-----



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP HỒ CHÍ MINH

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN

TỔ NGOẠI NGỮ

MA TRẬN - ĐẶC TẢ ĐỀ THI MÔN TIẾNG ANH

GIỮA HỌC KỲ 1 - KHỐI 12

NĂM HỌC 2024 - 2025

Thời gian làm bài: 60 phút

Hình thức: Trắc nghiệm khách quan có 4 lựa chọn + Tự luận

MA TRẬN

STT	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC						Tổng số câu	
		NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG			
		TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
1	Phonetics	4						4	0
2	Word choice	3		2		1		6	0
3	Word form				3		2	0	5
4	Verb tenses	1		1			2	2	2
5	Articles	1		1				2	0
6	Relatives	1				2	1	3	1
7	Phrasal verbs					2		2	0
8	Prepositions					1		1	0
9	Collocations/ Idioms	1						1	0
10	Synonyms/ Antonyms	2		2				4	0
11	Reading Comprehension	3		2		2		7	0
12	Complete an announcement/ advertisement	1		1		1		3	0
13	Cloze text	3		1		1		5	0
14	Sentence Sequencing				2			0	2
TỔNG		20	0	10	5	10	5	40	10
TỈ LỆ		40%		30%		30%			

BẢNG ĐẶC TẢ

ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	CHUẨN KIẾN THỨC	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC		
		NB	TH	VD
Phonetics	Nhận biết: - Xác định được vị trí dấu nhấn của từ có 2 hoặc 3 âm tiết - Xác định được các phụ âm trong 1 từ	4		
Word choice (LIFE STORIES WE ADMIRE + A MULTICULTURAL WORLD)	Nhận biết: - Nhớ nghĩa từ đã học và chọn từ đúng Thông hiểu: - Nhớ nghĩa và chọn từ đúng phù hợp ý của câu Vận dụng: - Nhớ nghĩa và chọn từ đúng, phù hợp ý của câu, phân biệt được so với các đáp án khác.	3	2	1
Word form (LIFE STORIES WE ADMIRE + A MULTICULTURAL WORLD)	Thông hiểu: - Xác định được từ loại và điền từ nghĩa phù hợp Vận dụng: - Xác định được từ loại và biết vận dụng tiếp đầu ngữ, tiếp vĩ ngữ phù hợp, với 1 gốc từ có nhiều từ cùng từ loại.		3	2
Verb tenses	Nhận biết: - Chọn thì đúng dựa theo dấu hiệu trong câu Thông hiểu: - Chọn thì đúng dựa theo dấu hiệu trong câu, biết phối hợp thì Vận dụng: - Chuyển sang thì khác không làm đổi nghĩa câu	1	1	2
Articles	Nhận biết: - Chọn đúng loại article (a, an, the) dựa theo danh từ trong câu Thông hiểu - Chọn đúng article dựa theo ngữ cảnh	1	1	

Relatives	Nhận biết: - Chọn đúng đại từ đề quan hệ dựa vào danh từ mà nó bổ nghĩa. Vận dụng: - Chọn đúng đại từ quan hệ, phân biệt được Relative pronouns và Relative Adverbs, phân biệt được mệnh đề xác định và không xác định, vận dụng chuyển câu.	1		3
Phrasal verbs	Vận dụng: - Xác định và sử dụng phrasal verb có nhiều nghĩa phù hợp với ngữ cảnh, đồng thời biết cách biến đổi theo các thì khác nhau.			2
Prepositions	Vận dụng: - Xác định và sử dụng đúng giới từ tạo thành nghĩa phù hợp với ngữ cảnh			1
Collocations/ Idioms	Nhận biết: - Nhận biết được ý nghĩa của cụm từ	1		
Synonyms/ Antonyms	Nhận biết: - Nhận biết được ý nghĩa của từ Thông hiểu: - Hiểu được nghĩa của từ trong ngữ cảnh để lựa chọn từ đồng nghĩa/ trái nghĩa	2	2	
Reading Comprehension (LIFE STORIES WE ADMIRE + A MULTICULTURAL WORLD)	Nhận biết: - Nhận biết từ khóa trong câu hỏi, chọn được câu trả lời phù hợp từ dữ liệu trong bài Thông hiểu: - Đọc hiểu được những thông điệp đơn giản và các nội dung học thuật về các chủ đề đã học. Vận dụng: - Rút ra các suy luận từ đoạn văn	3	2	2
Complete an announcement/ advertisement	- Hiểu được những thông tin quan trọng trong các quảng cáo thường nhật - Hiểu được các ý chính, nội dung chi tiết và ngôn ngữ sử dụng trong thư tín và thư tay. - Hiểu được mạch lập luận của văn bản/đoạn hội thoại	1	1	1

Cloze text	Nhận biết: - Hiểu nghĩa của từ và chọn từ đúng, phù hợp Thông hiểu: - Hiểu nghĩa của từ và chọn từ, phân biệt được với các đáp án cùng loại từ Vận dụng: - Sử dụng kết hợp các cụm kết hợp từ, các thành ngữ, giới từ đi kèm	3	1	1
Sentence Sequencing	Thông hiểu: - Hiểu nội dung và thực hiện việc sắp xếp lại các câu theo đúng cấu trúc và ngữ nghĩa để tạo thành 1 lá thư/ đoạn văn hoàn chỉnh		2	
Tổng		20	15	15

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN
MÔN: VẬT LÝ 12
BẢNG NĂNG LỰC VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY
ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 (2024 – 2025)

Thành phần năng lực	Cấp độ tư duy								
	PHẦN 1 (18 CÂU TN)			PHẦN 2 (4 CÂU ĐÚNG SAI)			PHẦN 3 (6 CÂU TRẢ LỜI NGẮN)		
	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
Nhận thức vật lí	6	4		5	2		1		
Tìm hiểu thế giới tự nhiên dưới góc độ vật lí	2	1		1		2		1	
Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học	1	1	3		2	4		1	3
TỔNG	9	6	3	6	4	6	1	2	3
	18 CÂU			16 Ý/ 4 CÂU			6 CÂU		

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN
BẢN ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 (2024 – 2025)
MÔN: VẬT LÝ 12

Nội dung	Cấp độ	Năng lực			Số ý/câu		
		Nhận thức vật lí	Tìm hiểu thế giới tự nhiên dưới góc độ vật lí	Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.	TN nhiều đáp án (số ý)	TN đúng sai (số ý)	TN ngắn (số câu)
CHỦ ĐỀ 1: VẬT LÝ NHIỆT							
Bài 1. Sự chuyển thể của các chất	Nhận biết	- Nhận biết được nội dung mô hình động học phân tử. - Nêu được cấu trúc của chất rắn, chất lỏng, chất khí.			2	4	
	Thông hiểu	- Trình bày được nội dung của sự chuyển thể.			1		
	Vận dụng						
Bài 2. Định luật 1 của nhiệt động lực học	Nhận biết	- Nêu được khái niệm nội năng.	- Nêu được biểu thức của định luật 1 của nhiệt động lực học.		2		
	Thông hiểu	- Xác định được nội dung liên quan đến nội năng.	- Xác định được các cách làm biến đổi nội năng.	- Xác định được áp suất tác dụng lên pít-tông. - Xác định được công của khối khí. - Xác định được độ biến thiên nội năng.	2	2	1

	Vận dụng			- Vận dụng được định luật I của nhiệt động lực học trong một số trường hợp. - Vận dụng và xác định được độ biến thiên nội năng.		2	1
Bài 3. Thang nhiệt độ	Nhận biết	- Nhận biết được đặc điểm của thang nhiệt độ Celsius và Kelvin.			2		1
	Thông hiểu	- Xác định được nhiệt lượng của chất.		- Chuyển đổi được nhiệt độ Celsius sang Kelvin và độ $^{\circ}\text{F}$	1		1
	Vận dụng						
Bài 4. Nhiệt dung riêng, nhiệt nóng chảy riêng, nhiệt hóa hơi riêng	Nhận biết	- Nhận biết được khái niệm nhiệt hóa hơi riêng, nhiệt nóng chảy riêng.	- Nhận biết được quá trình chuyển thể của chất. - Nêu được đặc điểm nhiệt độ của chất khí ở nhiệt độ sôi.	- Nêu được giá trị nhiệt dung riêng của nước.	3	2	
	Thông hiểu	- Xác định được giá trị nhiệt lượng.	- Giải được bài tập liên quan đến nhiệt hóa hơi riêng. - Xác định được nhiệt lượng của chất.		2	2	
	Vận dụng			- Vận dụng giải bài tập có liên quan đến nhiệt dung riêng, nhiệt nóng chảy riêng, nhiệt hóa hơi riêng. - Vận dụng giải bài tập liên quan đến vật lí nhiệt	2	4	2

MA TRẬN – HÓA 12 – GIỮA HỌC KÌ 1 – NĂM HỌC: 2024 - 2025

Hình thức: Trắc nghiệm – Thời gian: 50 phút

Chủ đề lựa chọn	Số lệnh hỏi																								Tổng	
	Nhận thức hoá học											Tìm hiểu thế giới tự nhiên								Vận dụng kiến thức – kĩ năng đã học						
	BIẾT		HIỂU					VẬN DỤNG				BIẾT	HIỂU			VẬN DỤNG					VẬN DỤNG					
	HH 1.1	HH 1.2	HH 1.2	HH 1.3	HH 1.4	HH 1.5	HH 1.6	HH 1.5	HH 1.6	HH 1.7	HH 1.8	HH 2.1	HH 2.1	HH 2.2	HH 2.2	HH 2.3	HH 2.4	HH 2.5	HH 3.1	HH 3.2	HH 3.3	HH 3.4	HH 3.5			
1. Ester - Lipid	4	3	2		1				4			1												15		
2. Carbohydrate	2	1	3	1	2			1	1			1								3				15		
3. Hợp chất của nitrogen	3	1			2	1		1	2															10		
Tổng lệnh hỏi	9	5	5	1	5	1	0	2	7	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	40		
Tổng lệnh hỏi theo thành phần năng lực	HH1: NHẬN THỨC HÓA HỌC											HH2: TÌM HIỂU THẾ GIỚI TỰ NHIÊN								HH3: VẬN DỤNG KIẾN THỨC - KĨ NĂNG						
	35											2								3					40	
	87.5											5								7.5					100%	
Tổng lệnh hỏi theo cấp độ	BIẾT											HIỂU								VẬN DỤNG						
	16											12								12					40	
	40											40								30					100%	

MA TRẬN CHI TIẾT – HÓA 12 – GIỮA HỌC KÌ 1 – NĂM HỌC: 2024 - 2025

Hình thức: Trắc nghiệm – Thời gian: 50 phút

Chủ đề lựa chọn	Dạng thức (Phần)	Lệnh hỏi tương ứng với thành phần năng lực và cấp độ tư duy																									
		Nhận thức hoá học												Tìm hiểu thế giới tự nhiên								Vận dụng kiến thức – kĩ năng đã học					Tổng
		BIẾT		HIỂU						VẬN DỤNG				BIẾT	HIỂU		VẬN DỤNG				VẬN DỤNG						
		HH 1.1	HH 1.2	HH 1.2	HH 1.3	HH 1.4	HH 1.5	HH 1.6	HH 1.5	HH 1.6	HH 1.7	HH 1.8	HH 2.1	HH 2.1	HH 2.2	HH 2.2	HH 2.3	HH 2.4	HH 2.5	HH 3.1	HH 3.2	HH 3.3	HH 3.4	HH 3.5			
1. Ester - Lipid	I	I.1 I.4 I.5	I.3 I.6							I.13 I.16			I.2												15		
	II	II.1c	II.1a	II.1d		II.1b																					
	III			III.1						III.2 III.3																	
2. Carbo- hydrate	I	I.7		I.14	I.8								I.9								I.17				15		
	II	II.2a	II.3b	II.2c II.3a		II.2b II.2d				II.3c											II.3d						
	III								III.4												III.5						
3. Hợp chất của nitrogen	I	I.10 I.12	I.11				I.15			I.18															10		
	II	II.4b				II.4a II.4c			II.4d																		
	III									III.6																	
Tổng lệnh hỏi		9	5	5	1	5	1	0	2	7	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	40		
Tổng lệnh hỏi theo thành phần năng lực		HH1: NHẬN THỨC HÓA HỌC												HH2: TÌM HIỂU THẾ GIỚI TỰ NHIÊN								HH3: VẬN DỤNG KIẾN THỨC - KĨ NĂNG					
		35												2								3					40
		87.5												5								7.5					100%
Tổng lệnh hỏi theo cấp độ		BIẾT												HIỂU								VẬN DỤNG					
		16												12								12					40
		40												40								30					100%

PHỤ LỤC

NL “Nhận thức hóa học”	CÁC CHỈ BÁO/ BIỂU HIỆN	MÃ HÓA	GỢI Ý CẤP ĐỘ TƯ DUY
	Nhận biết và nêu được tên các đối tượng, sự kiện, khái niệm hoặc quá trình hóa học.	HH1.1	Biết
	Trình bày được các sự kiện, đặc điểm, vai trò của các đối tượng, khái niệm hoặc quá trình hóa học.	HH1.2	Biết/ Hiểu
	Mô tả được bằng hình thức nói, viết, công thức, sơ đồ, biểu đồ, bảng.	HH1.3	Hiểu
	So sánh, phân loại, lựa chọn các đối tượng, khái niệm hoặc quá trình hóa học theo logic nhất định.	HH1.4	Hiểu
	Phân tích được các khía cạnh của đối tượng, khái niệm hoặc quá trình hóa học theo các tiêu chí khác nhau.	HH1.5	Hiểu/Vận dụng
	Giải thích và lập luận được về mối quan hệ giữa các đối tượng, khái niệm hoặc quá trình hóa học.	HH1.6	Hiểu/Vận dụng
	Tìm được từ khóa, sử dụng được thuật ngữ khoa học, kết nối được các thông tin theo logic có ý nghĩa, lập được dàn ý khi đọc và trình bày văn bản khoa học.	HH1.7	Vận dụng
	Thảo luận, đưa ra được những nhận định phê phán có liên quan đến chủ đề.	HH1.8	Vận dụng

NL “Tìm hiểu thế giới tự nhiên dưới góc độ hóa học”	CÁC CHỈ BÁO/ BIỂU HIỆN	MÃ HÓA	GỢI Ý CẤP ĐỘ TƯ DUY
	Đề xuất vấn đề: nhận ra và đặt câu hỏi liên quan đến vấn đề; phân tích được bối cảnh để đề xuất vấn đề; biểu đạt được vấn đề.	HH2.1	Biết/ Hiểu
	Đưa ra phán đoán và xây dựng giả thuyết: phân tích được vấn đề đã nêu được xây dựng và phát biểu được giả thuyết nghiên cứu.	HH2.2	Hiểu/Vận dụng
	Lập kế hoạch thực hiện: xây dựng được khung logic nội dung tìm hiểu; lựa chọn được phương pháp thích hợp (quan sát: thực nghiệm, điều tra, phỏng vấn,...); lập được kế hoạch triển khai tìm hiểu.	HH2.3	Vận dụng
	Thực hiện kế hoạch: thu thập được sự kiện và chứng cứ (quan sát, ghi chép, thu thập dữ liệu thực nghiệm); phân tích được dữ liệu nhằm chứng minh hay bác bỏ giả thiết; rút ra được kết luận và điều chỉnh kết luận khi cần thiết.	HH2.4	Vận dụng
NL “Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học”	Viết, trình bày báo cáo và thảo luận: sử dụng được ngôn ngữ, hình vẽ, sơ đồ, biểu bảng để biểu đạt quá trình và kết quả tìm hiểu; viết được báo cáo sau quá trình tìm hiểu; hợp tác với đối tác bằng thái độ lắng nghe tích cực và tôn trọng quan điểm, ý kiến đánh giá do người khác đưa ra để tiếp thu tích cực và giải thích, phản biện, bảo vệ kết quả tìm kiếm 1 cách thuyết phục.	HH2.5	Vận dụng

NL “Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học”	CÁC CHỈ BÁO/ BIỂU HIỆN	MÃ HÓA	GỢI Ý CẤP ĐỘ TƯ DUY
	Vận dụng được kiến thức hóa học để phát hiện, giải thích được một số hiện tượng tự nhiên, ứng dụng của hóa học trong cuộc sống.	HH3.1	Vận dụng
	Vận dụng được kiến thức để phản biện, đánh giá ảnh hưởng của một số vấn đề thực tiễn.	HH3.2	Vận dụng
	Vận dụng được kiến thức tổng hợp để đánh giá ảnh hưởng của một số vấn đề thực tiễn và đề xuất một số phương pháp, biện pháp, mô hình kế hoạch giải quyết vấn đề.	HH3.3	Vận dụng
	Định hướng được ngành nghề sẽ lựa chọn sau khi tốt nghiệp THPT.	HH3.4	Vận dụng
NL “Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học”	Ứng xử thích hợp trong các tình huống có liên quan đến bản thân, gia đình và cộng đồng phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững XH và BVMT.	HH3.5	Vận dụng

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Mã hoá
1. ESTER – LIPID – XÀ PHÒNG, CHẤT GIẶT RỬA	Nêu được khái niệm về lipid, chất béo, acid béo, đặc điểm cấu tạo phân tử ester.	HH.1.1
	Viết được công thức cấu tạo và gọi được tên một số ester đơn giản (số nguyên tử C trong phân tử ≤ 5) và thường gặp.	HH.1.3
	Trình bày được phương pháp điều chế ester và ứng dụng của một số ester.	HH.1.2
	Trình bày được đặc điểm về tính chất vật lý và tính chất hoá học cơ bản của ester (phản ứng thủy phân) và của chất béo (phản ứng hydrogen hoá chất béo lỏng, phản ứng oxi hoá chất béo bởi oxygen không khí).	HH.1.2
	Trình bày được ứng dụng của chất béo và acid béo (omega-3 và omega-6).	HH.1.2
	Nêu được khái niệm, đặc điểm về cấu tạo và tính chất chất giặt rửa của xà phòng và chất giặt rửa tự nhiên, tổng hợp.	HH.1.1
	Trình bày được một số phương pháp sản xuất xà phòng, phương pháp chủ yếu sản xuất chất giặt rửa tổng hợp.	HH.1.2
	Thực hiện được (hoặc quan sát video) thí nghiệm về phản ứng xà phòng hoá chất béo.	HH.2.4
	Trình bày được cách sử dụng hợp lý, an toàn xà phòng và chất giặt rửa tổng hợp trong đời sống.	HH.1.2
	So sánh, phân loại, lựa chọn các ester, chất béo, xà phòng, chất giặt rửa phù hợp với các tính chất, đặc điểm.	HH.1.4
	Lập luận, giải thích các quá trình hóa học.	HH.1.6
	Nhận ra, phân tích, biểu đạt được các đặc điểm và tính chất hóa học của ester, lipid, xà phòng, chất giặt rửa.	HH.2.1
2. CARBOHYDRATE	Nêu được khái niệm, cách phân loại carbohydrate, trạng thái tự nhiên của glucose. Fructose, saccharose, maltose, tinh bột và cellulose.	HH.1.1
	Viết được công thức cấu tạo dạng mạch hở, dạng mạch vòng và gọi được tên của một số carbohydrate: glucose và fructose; saccharose, maltose; tinh bột và cellulose.	HH.1.3
	Trình bày được tính chất hoá học cơ bản của glucose và fructose (phản ứng với copper(II) hydroxide, nước bromine, thuốc thử Tollens, phản ứng lên men của glucose, phản ứng riêng của nhóm –OH hemiacetal khi glucose ở dạng mạch vòng).	HH.1.2
	Trình bày được tính chất hoá học cơ bản của saccharose (phản ứng với copper(II) hydroxide, phản ứng thủy phân).	HH.1.2
	Trình bày được tính chất hoá học cơ bản của tinh bột (phản ứng thủy phân, phản ứng với iodine); của cellulose (phản ứng thủy phân, phản ứng với nitric acid và với nước Schweizer (Svayde)).	HH.1.2
	Thực hiện được (hoặc quan sát video) thí nghiệm về phản ứng của glucose (với copper(II) hydroxide, nước bromine, thuốc thử Tollens); của saccharose (phản ứng với copper(II) hydroxide); của tinh bột (phản ứng thủy phân phản ứng của hồ tinh bột với iodine); của cellulose (phản ứng thủy phân phản ứng với nitric acid và tan trong nước Schweizer).	HH.2.4
	Mô tả các hiện tượng thí nghiệm và giải thích được tính chất hoá học của glucose, fructose, saccharose, tinh bột và cellulose.	HH.2.4
	Trình bày được sự chuyển hoá tinh bột trong cơ thể, sự tạo thành tinh bột trong cây xanh và ứng dụng của một số carbohydrate.	HH.1.2
	Mô tả được quá trình phản ứng của carbohydrate dưới hình thức viết, sơ đồ.	HH.1.3
	So sánh, phân loại, lựa chọn các carbohydrate phù hợp với các tính chất, đặc điểm.	HH.1.4
	Phân tích được các quá trình hóa học của carbohydrate.	HH.1.5
	Lập luận, giải thích các quá trình hóa học.	HH.1.6
	Nhận ra, phân tích, biểu đạt được các đặc điểm cấu tạo và tính chất hóa học của carbohydrate.	HH.2.1

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Mã hoá
	Vận dụng kiến thức về carbohydrate đã học để phân biệt, đánh giá vấn đề thực tiễn.	HH.3.2
3. HỢP CHẤT CHỨA NITROGEN		
AMINE	Nêu được khái niệm amine và phân loại amine (theo bậc của amine và bản chất gốc hydrocarbon).	HH.1.1
	Viết được công thức cấu tạo và gọi được tên một số amine theo danh pháp thế, danh pháp gốc – chức (số nguyên tử C trong phân tử ≤ 5), tên thông thường của một số amine hay gặp.	HH.1.3
	Nêu được đặc điểm về tính chất vật lí của amine (trạng thái, nhiệt độ sôi, nhiệt độ nóng chảy, khả năng hoà tan).	HH.1.1
	Trình bày được đặc điểm cấu tạo phân tử và hình dạng phân tử methylamine và aniline.	HH.1.2
	Trình bày được tính chất hoá học đặc trưng của amine: tính chất của nhóm $-NH_2$ (tính base (với quỳ tím, với HCl, với $FeCl_3$), phản ứng với nitrous acid (axit nitơ), phản ứng thế ở nhân thơm (với nước bromine) của aniline (anilin), phản ứng tạo phức của methylamine (hoặc ethylamine) với $Cu(OH)_2$.	HH.1.2
	Thực hiện được (hoặc quan sát video) thí nghiệm về phản ứng của dung dịch methylamine (hoặc ethylamine) với quỳ tím (chất chỉ thị), với HCl, với iron(III) chloride ($FeCl_3$), với copper(II) hydroxide ($Cu(OH)_2$); phản ứng của aniline với nước bromine; mô tả được các hiện tượng thí nghiệm và giải thích được tính chất hoá học của amine.	HH.2.4
	Trình bày được ứng dụng của amine (ứng dụng của diamine và aniline); các phương pháp điều chế amine (khử hợp chất nitro và thế nguyên tử H trong phân tử ammonia).	HH.1.2
	Phân tích được các quá trình hóa học của amine.	HH.1.5
	Lập luận, giải thích các quá trình hóa học.	HH.1.6
AMINO ACID	Nêu được khái niệm về amino acid, amino acid thiên nhiên, amino acid trong cơ thể; gọi được tên một số amino acid thông dụng, đặc điểm cấu tạo phân tử của amino acid.	HH.1.1
	Trình bày được tính chất hoá học đặc trưng của amino acid (tính lưỡng tính, phản ứng ester hoá; phản ứng trùng ngưng của ϵ - và ω -amino acid).	HH.1.2
	Nêu được khả năng di chuyển của amino acid trong điện trường ở các giá trị pH khác nhau	HH.1.1
	So sánh, phân loại, lựa chọn các tính chất, đặc điểm amino acid.	HH.1.4
	Phân tích được các quá trình hóa học của amino acid.	HH.1.5
	Lập luận, giải thích các quá trình hóa học.	HH.1.6

Lưu ý: Đề có 3 phần, cấu trúc theo hướng đề thi THPT năm 2025			Số câu (lệnh hỏi)/năng lực sinh học						TỔNG CỘNG
			Nhận thức sinh học			Tìm hiểu thế giới sống		Vận dụng kiến thức kĩ năng đã học	
Chủ đề/Bài học			Biết	Hiểu	VD	Hiểu	VD	VD1-VD2	
			(NT1)	(NT2-5)	(NT6-8)	(TH1-2)	(TH3-5)		
Chương 1	Bài 1: Gene và cơ chế thông tin di truyền	Khái niệm gene, gene cấu trúc, gene điều hòa.	1						10
		Mạch làm khuôn trong quá trình nhân đôi, phiên mã, dịch mã		2	1				
		Nguyên tắc trong nhân đôi, phiên mã, dịch mã.		1		2			
		Nhận biết đặc điểm mã di truyền	1	1				1	
	Bài 3: Điều hòa biểu hiện gene	Chức năng các thành phần trên Operon Lac ở vi khuẩn <i>E.Coli</i> .	2					1	8
		Ý nghĩa của điều hòa biểu hiện gene ở sinh vật nhân sơ và sinh vật nhân thực.		2			1		
		Ứng dụng điều hòa biểu hiện gene trong y-dược học				1	1		
	Bài 4. Hệ gene, đột biến gene và công nghệ gene	Khái niệm: hệ gene, công nghệ gene, công nghệ DNA tái tổ hợp	2			1			22
		Nguyên nhân các dạng đột biến điểm và đột biến gene.	2		1	1			
		Vai trò của các dạng đột biến điểm và đột biến gene.		2		1	1	1	
		Hệ gene người và vai trò giải mã hệ gene người	2	1					
		Thành tựu công nghệ gene.	2		2				
				1			1	1	
TỔNG SỐ Ý/CÂU		12	10	4	6	4	4	40	

BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 1

MÔN: Lịch sử 12– Thời gian làm bài 45 phút

CHỦ ĐỀ/ BÀI	CẤP ĐỘ TƯ DUY	Số câu hỏi theo cấp độ tư duy			Tổng
		NB	TH	VD	
Dạng thức 1 (câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn)					
Bài 2: TRẬT TỰ THẾ GIỚI TRONG CHIẾN TRANH LẠNH	Nhận biết: - Biết được quá trình hình thành và tồn tại của trật tự thế giới 2 cực Ianta. Thông hiểu: - Hiểu được nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của trật tự thế giới 2 cực I anta. Vận dụng: - Phân tích được tác động sự sụp đổ trật tự thế giới 2 cực Ianta đối với tình hình thế giới.	3	2	1	6
Bài 3: TRẬT TỰ THẾ GIỚI SAU CHIẾN TRANH LẠNH	Nhận biết: - Trình bày được khái niệm đa cực. - Nêu được xu thế phát triển chính của thế giới sau chiến tranh lạnh. Thông hiểu: Hiểu được biểu hiện của xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế sau chiến tranh lạnh Vận dụng Tác động của thế giới Đa cực đối với thế giới và Việt Nam	2	1	1	4
Bài 4: SỰ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA ASEAN	Nhận biết: - Trình bày được quá trình hình thành và mục đích thành lập của ASEAN. - Trình bày được quá trình phát triển từ ASEAN 5 đến ASEAN 10. Thông hiểu: - Hiểu được sự kiện đánh dấu bước ngoặt của ASEAN qua các giai đoạn phát triển.	3	2		6

	Vận dụng Liên hệ Việt Nam, thời cơ và thách thức khi tham gia hiệp hội			1	
Bài 5: CỘNG ĐỒNG ASEAN: TỪ Ý TƯỞNG ĐẾN HIỆN THỰC.	Nhận biết: - Nêu được nét chính về ý tưởng, mục tiêu và kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN. Thông hiểu: - Lý giải được những thách thức và triển vọng Cộng đồng ASEAN.	2	1		3
Bài 6: CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945.	Nhận biết - Nêu được hoàn cảnh, diễn biến, nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa của Cách mạng tháng Tám Thông hiểu: - Phân tích vị trí ý nghĩa của cách mạng tháng Tám năm 1945 trong tiến trình lịch sử. Vận dụng: - Từ bài học kinh nghiệm của cách mạng tháng Tám năm 1945 rút ra được bài học trong công cuộc xây dựng bảo vệ tổ quốc ngày nay	2	2	1	5
		12	8	4	24
Dạng thức 2 (câu trắc nghiệm đúng/sai)		Số ý	Số ý	Số ý	
Bài 2: TRẬT TỰ THẾ GIỚI TRONG CHIẾN TRANH LẠNH	Nhận biết: -Biết khai thác được tư liệu lịch sử tìm hiểu về trật tự thế giới hai cực Ianta. Thông hiểu: - Giải thích được sự kiện khởi đầu cuộc chiến tranh lạnh. Vận dụng - Vận dụng kiến thức đã học để phân tích được nguồn gốc của sự đối đầu căng thẳng giữa Mỹ- Liên Xô và tham vọng làm bá chủ thế giới của Mỹ.	1	1	2	4
Bài 3: TRẬT TỰ THẾ GIỚI SAU	Nhận biết: - Trình bày được khái niệm đa cực. - Nêu được xu thế phát triển chính của thế giới sau chiến tranh lạnh.				4

CHIẾN TRANH LẠNH	Thông hiểu: Hiểu được biểu hiện của xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế sau chiến tranh lạnh Vận dụng Tác động của thế giới Đa cực đối với thế giới và Việt Nam		1		
Bài 4: SỰ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA ASEAN	Nhận biết: - Trình bày được quá trình hình thành và mục đích thành lập của ASEAN. - Trình bày được quá trình phát triển từ ASEAN 5 đến ASEAN 10. Thông hiểu: - Hiểu được sự kiện đánh dấu bước ngoặt của ASEAN qua các giai đoạn phát triển. Vận dụng Liên hệ Việt Nam, thời cơ và thách thức khi tham gia hiệp hội	1	1	2	4
Bài 6: CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945.	Nhận biết: - Biết khai thác, sử dụng tư liệu để xác định được thời cơ của cách mạng tháng Tám. Thông hiểu: - Hiểu được yếu tố tạo ra thời cơ làm nên thắng lợi của cách mạng tháng Tám Vận dụng - Vận dụng kiến thức đã học để phân tích được yếu tố thời cơ và nguy cơ, vai trò của Đảng trong lãnh đạo Tổng Khởi nghĩa.	1	1	2	4
		4 ý	4 ý	8 ý	16
Tổng 2 phần		16	12	12	40
Điểm		4đ	3đ	3đ	10đ
%		40%	30%	30%	100%

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I

MÔN: ĐỊA LÍ – LỚP 12

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
Phân môn Địa lí							
1	Địa lí tự nhiên	Vị trí Địa lý và phạm vi lãnh thổ	Thông hiểu – Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ đến tự nhiên, kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng. Vận dụng – Xác định được đặc điểm vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ Việt Nam trên bản đồ.		4	2	
2		Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa	Nhận biết – Trình bày được các biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa thông qua khí hậu và các thành phần tự nhiên khác. Thông hiểu – Phân tích được ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến sản xuất và đời sống. Vận dụng – Sử dụng được bản đồ tự nhiên Việt Nam, số liệu thống kê để trình bày đặc điểm thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa.	6	2	1	
3		Sự phân hóa đa dạng của thiên nhiên	Nhận biết – Trình bày được đặc điểm tự nhiên của ba miền: Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ, Tây Bắc và Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Nam Bộ. Thông hiểu	4	3	2	

			– Chứng minh được sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên Việt Nam theo Bắc - Nam, Đông - Tây, độ cao. – Phân tích được ảnh hưởng của sự phân hoá đa dạng thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Vận dụng – Sử dụng được bản đồ tự nhiên Việt Nam, số liệu thống kê để chứng minh sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên nước ta. Vận dụng cao – Trình bày được báo cáo về sự phân hoá tự nhiên Việt Nam.				
4		Vấn đề sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường	Nhận biết – Trình bày được sự suy giảm các loại tài nguyên thiên nhiên ở nước ta. Thông hiểu - Giải thích được sự suy giảm các loại tài nguyên thiên nhiên ở nước ta. – Chứng minh và giải thích được hiện trạng ô nhiễm môi trường ở Việt Nam. Vận dụng – Nêu được một số giải pháp sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên ở nước ta. – Nêu được các giải pháp bảo vệ môi trường Việt Nam. Vận dụng cao	4	2	3	

			– Viết được đoạn văn ngắn tuyên truyền mọi người trong cộng đồng tham gia vào việc sử dụng hợp lí tài nguyên hoặc bảo vệ môi trường ở địa phương.				
5	Địa lí dân cư	Dân số	Nhận biết – Trình bày được đặc điểm dân số nước ta. Thông hiểu - Phân tích được các thế mạnh và hạn chế về dân số. Vận dụng – Sử dụng được bản đồ dân cư Việt Nam, số liệu thống kê nhận xét, giải thích về đặc điểm dân số Việt Nam. – Vẽ được biểu đồ về dân số. – Nêu được chiến lược và giải pháp phát triển dân số. Vận dụng cao - Liên hệ được một số vấn đề dân số ở địa phương. – Giải thích được một số vấn đề thực tế liên quan đến dân số nước ta.	2	1	4	
Số câu/ loại câu				16 câu	12 câu	12 câu	0
Tổng hợp chung				40%	30%	30%	0%

MA TRẬN, BẢNG ĐẶC TẢ NỘI DUNG THEO NĂNG LỰC VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY

KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I-Năm học: 2024-2025

MÔN: GDKT&PL12

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	CẤP ĐỘ TƯ DUY						TỔNG SỐ CÂU	ĐIỂM SỐ
			PHẦN I			PHẦN II				
			Biết	Hiểu	Vận dung	Biết	Hiểu	Vận dung		
	Chủ đề 1: Tăng trưởng và phát triển kinh tế	Bài 1: Tăng trưởng và phát triển kinh tế	4	2	1		1		8	2.75
	Chủ đề 2: Hội nhập kinh tế quốc tế	Bài 2: Hội nhập kinh tế quốc tế	4	3	1	1		1	10	4.0
	Chủ đề 3: Bảo hiểm và an sinh xã hội	Bài 3: Bảo hiểm	4	3	2			1	10	3.25
3	Tổng số câu		12	8	4	1	1	2	28	10

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ 1
MÔN: GDKT&PL12

TT	Chủ đề	Mạch kiến thức	Mô tả các cấp độ nhận thức	PHẦN I			PHẦN 2		
				Điều chỉnh hành vi	Phát triển bản thân	Tìm hiểu và tham gia	Điều chỉnh hành vi	Phát triển bản thân	Tìm hiểu và tham gia
1	Chủ đề 1: Tăng trưởng và phát triển kinh tế	Bài 1: Tăng trưởng và phát triển kinh tế	Nhận biết: Nêu được các chỉ tiêu của tăng trưởng và phát triển kinh tế.	1	1	2			
			Thông hiểu: Phân biệt được tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế. - Giải thích được vai trò của tăng trưởng và phát triển kinh tế. - Nhận biết được mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với sự phát triển bền vững.		1	1		1	
			Vận dụng: - Ủng hộ những hành vi, việc làm góp phần thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế; - Phê phán, đấu tranh với những hành vi, việc làm			1			

			cản trở sự tăng trưởng, phát triển kinh tế. - Tham gia các hoạt động góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng, phát triển kinh tế.						
2	Chủ đề 2: Hội nhập kinh tế quốc tế	Bài 2: Hội nhập kinh tế quốc tế	Nhận biết: - Nêu được khái niệm hội nhập kinh tế quốc tế. - Liệt kê được các hình thức hội nhập kinh tế quốc tế.	2	1	1	1		
			Thông hiểu: - Giải thích được hội nhập kinh tế quốc tế là cần thiết đối với mọi quốc gia.	1	1	1			
			Vận dụng: - Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi không chấp hành chủ trương, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. - Xác định được trách nhiệm của bản thân trong hội nhập kinh tế			1			1

			quốc tế.						
3	Chủ đề 3: Bảo hiểm và an sinh xã hội	Bài 3: Bảo hiểm	Nhận biết: - Nêu được khái niệm bảo hiểm, - Nêu được vai trò của bảo hiểm - Liệt kê được một số loại hình bảo hiểm.	2	1	1			
			Thông hiểu: - Giải thích được sự cần thiết của bảo hiểm.	1	1	1			
			Vận dụng: Gọi tên được một số chính sách an sinh xã hội. Thực hiện được trách nhiệm công dân về bảo hiểm bằng những việc làm cụ thể và phù hợp.		1	1			1
4	Tổng số lệnh hỏi theo năng lực			7	7	10	1	1	2

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN

BẢNG NĂNG LỰC VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY - ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I
NĂM HỌC 2024 – 2025
MÔN: CÔNG NGHỆ 12 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút

Năng lực	Cấp độ tư duy					
	Phần I			Phần II		
	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng
Nhận thức công nghệ	7	3		4	3	
Giao tiếp công nghệ	2					1
Sử dụng công nghệ	2	2			1	5
Đánh giá công nghệ	1	3	4			2
Tổng	12	8	4	4	4	8

MA TRẬN ĐẶC TẢ CÂU HỎI - ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I
NĂM HỌC 2024 – 2025
MÔN: CÔNG NGHỆ 12 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút

[illegible]

	18											d3.2	
	19											d3.1	
	20											d3.2	
	21												d3.2
	22												d3.2
	23												d3.1
	24												d3.1
Dạng thức II	1								c3.1				
			a3.1										
			a3.1										
			a3.1										
	2	a3.1											
		a3.1											
		a3.1											
		a3.1											
	3						b3.1						
										c3.2			
										c3.1			
										c3.1			
	4									c3.1			
										c3.1			
													d3.1
													d3.1
Tổng	40	11	6	0	2	0	1	2	3	5	1	3	6

MA TRẬN ĐẶC TẢ - ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I
NĂM HỌC 2024 – 2025
MÔN: CÔNG NGHỆ 12 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút

Chủ đề	Năng lực môn học											
	Nhận thức công nghệ			Giao tiếp công nghệ			Sử dụng công nghệ			Đánh giá công nghệ		
	Cấp độ tư duy			Cấp độ tư duy			Cấp độ tư duy			Cấp độ tư duy		
	<i>Biết</i>	<i>Hiểu</i>	<i>Vận dụng</i>	<i>Biết</i>	<i>Hiểu</i>	<i>Vận dụng</i>	<i>Biết</i>	<i>Hiểu</i>	<i>Vận dụng</i>	<i>Biết</i>	<i>Hiểu</i>	<i>Vận dụng</i>
Giới thiệu chung về lâm nghiệp	- Nêu được những hoạt động và đặc trưng cơ bản của sản xuất lâm nghiệp. - Nêu được một số biện pháp khắc phục suy thoái tài nguyên rừng.	- Phân tích được các nguyên nhân chủ yếu làm suy thoái tài nguyên rừng.						- Phân tích được tác hại của suy thoái tài nguyên rừng.		- Đề xuất được một số việc nên làm và không nên làm để hạn chế suy thoái tài nguyên rừng phù hợp với thực tiễn của địa phương.		

Trồng và chăm sóc rừng	- Nêu được các thời vụ trồng rừng phổ biến ở nước ta. - Nêu được ý nghĩa của việc trồng rừng đúng thời vụ.			- Trình bày được quy luật sinh trưởng và phát triển của cây rừng.		- Vận dụng được quy luật sinh trưởng, phát triển của cây rừng vào thực tiễn trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng ở địa phương.	- Trình bày được các kỹ thuật chăm sóc rừng.	- Tóm tắt được yêu cầu kỹ thuật của các biện pháp trồng rừng.	- Vận dụng được quy luật sinh trưởng, phát triển của cây rừng vào thực tiễn trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng ở địa phương. - Đề xuất được biện pháp trồng và chăm sóc cây rừng ở nước ta.		- Đánh giá được vai trò của việc chăm sóc rừng đúng kỹ thuật.	- Xác định được hoạt động cơ bản của lâm nghiệp ở địa phương. - Đánh giá được thực trạng trồng và chăm sóc rừng ở địa phương.
Tổng	11	6	0	2	0	1	2	3	5	1	3	6



TIÊU CHÍ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1 MÔN TIN HỌC K12

I. CHỦ ĐỀ: BÀI TẬP LỚN THIẾT KẾ TRANG WEB THEO CHỦ ĐỀ TỰ CHỌN

II. VỀ NỘI DUNG:

- Tối thiểu 5 bài viết, có sự chọn lọc về nội dung, có sự thống nhất theo chủ đề, có trích nguồn
- Tổ chức dưới dạng 1 trang chủ và tối thiểu 2 trang con

III. TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM:

- **Thiết kế được Phần Header:** có sự đồng nhất về bố cục, logo, tên trang web, thanh điều hướng: (2đ)
- **Thiết kế được Phần Body:** có hình ảnh, văn bản và trình bày bố cục hợp lý (5đ)
- **Thiết kế được Phần Footer:** thông tin liên hệ hoặc thiết lập liên kết đến các website khác hoặc Fanpage Facebook: 1đ
- **Nhúng 1 tài nguyên của Google vào trang web:** Youtube, Map, Docs, Slide, Form,...: 1đ
- **Điểm ý tưởng và sự hài hòa, thẩm mỹ:** 1đ

I. MỤC ĐÍCH – Ý NGHĨA

- Đánh giá các năng lực của học sinh:
- + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, thể hiện ở kỹ năng lựa chọn và cách thực hiện cách giải quyết vấn đề phù hợp trong các tình huống
- + Năng lực giao tiếp và hợp tác, thể hiện ở kỹ năng nuôi dưỡng, giữ gìn và mở rộng mối quan hệ với bạn bè ở trường
- + Năng lực thích ứng với cuộc sống, thể hiện ở kỹ năng điều chỉnh bản thân để thích ứng được với sự thay đổi

II. HÌNH THỨC ĐÁNH GIÁ

- Bài thực hành của học sinh

III. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

1. Nội dung :

Chủ đề	Nội dung
Chủ đề 1: Phát triển các mối quan hệ tốt đẹp với thầy cô và các bạn	- Nêu được cách nuôi dưỡng, gìn giữ và mở rộng mối quan hệ tốt đẹp với thầy cô và bạn bè
	- Nêu và thực hiện được các cách hợp tác với mọi người trong hoạt động
	- Thể hiện được cách nuôi dưỡng, gìn giữ và mở rộng mối quan hệ tốt đẹp với thầy cô và bạn bè
	- Thể hiện được lập trường, quan điểm phù hợp khi phân tích dư luận xã hội về quan hệ bạn bè trên mạng xã hội
	- Thể hiện được cách giải quyết mâu thuẫn trong các mối quan hệ bạn bè
	- Đánh giá được ý nghĩa của hoạt động phát triển các mối quan hệ và xây dựng truyền thống nhà trường đối với cá nhân và tập thể
	- Lập và thực hiện kế hoạch hoạt động xây dựng truyền thống nhà trường và hoạt động theo chủ đề của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh theo phương thức hợp tác
Chủ đề 2:	- Những biểu hiện và việc làm thể hiện sự trưởng thành của cá nhân
	- Trình bày các biểu hiện phẩm chất ý chí và sự đam mê của cá nhân

Tôi trưởng thành	- Nhận diện các đặc điểm của người có tư duy độc lập
	- Nhận diện khả năng thích ứng với sự thay đổi
	- Giới thiệu được đam mê của bản thân và quá trình thực hiện đam mê đó
	- Thể hiện sự trưởng thành của bản thân trong cuộc sống
	- Thể hiện được ý chí của bản thân trong cuộc sống
	- Thể hiện được tư duy độc lập khi trình bày quan điểm của bản thân
	- Thực hiện được kế hoạch rèn luyện sự trưởng thành, phẩm chất ý chí, đam mê và tư duy độc lập của bản thân và nhận xét được kết quả rèn luyện theo kế hoạch

2. Tiêu chí đánh giá:

TT	Tiêu chí đánh giá	Đạt	Chưa đạt
1	Cần xác định nội dung đầy đủ theo đúng chủ đề		
2	Nội dung được trình bày chính xác, đa dạng, có cập nhật thông tin		
3	Hình thức trình bày: hấp dẫn, sáng tạo, lôi cuốn,...		
4	Hoàn thành bài theo kế hoạch và thời gian đã xác định		
5	Báo cáo kết quả thực hiện		

+ Đạt: Học sinh đạt được 3 tiêu chí trở lên

+ Chưa đạt: Học sinh đạt được nhiều nhất 2 tiêu chí trở xuống

Trên đây là kế hoạch kiểm tra đánh giá giữa kì 1 cho học sinh khối 12 của nhóm HDTN-HN, rất mong Ban Giám Hiệu phê duyệt.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 10 năm 2024

DUYỆT CỦA BAN GIÁM HIỆU

Người lập kế hoạch

Nhóm HDTN-HN